TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 24-4-2026.
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Phước và bà Hồ Thị Thảo.

- Thư ký phiên toà*:* Ông Đoàn Văn Thái, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Huế tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 3 – Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 14/2026/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2026, về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 24/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Hoàng Anh T, sinh năm 1995; số định danh cá nhân: 079195038464; nơi cư trú: 1 N, phường C, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Long N, sinh năm 1987; số định danh cá nhân: 046087015220; nơi cư trú: Thôn T, phường P, thành phố H; vắng mặt lần thứ hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15 tháng 01 năm 2026 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Phạm Hoàng Anh T trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hoàng Anh T và anh Nguyễn Long N có đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hồ Chí Minh) trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính nhau, thường xuyên cãi vả, có xúc phạm nhau. Từ tháng 02/2025 cho đến nay chị T và anh N sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống mỗi người tự lo liệu. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không được. Nay nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng với anh N do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Long N.

Về con chung: Chị T và anh N không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 13/3/2026, bà Trần Thị Q (là mẹ ruột của anh Nguyễn Long N) trình bày: Anh N có hộ khẩu thường trú thôn T, phường P, thành phố H. Anh N và chị T có tự nguyện đăng ký kết hôn, quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên đã sống ly thân được khoảng 02 năm. Trong quá trình sống chung thì chị T, anh N chưa có con chung.

Do không hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 09/4/2026, Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa ngày 21/4/2026, tuy nhiên do có trở ngại khách quan nên có thay đổi thời gian xét xử vào ngày 24/4/2026 và đồng thời tống đạt Quyết định hoãn phiên tòa, thông báo thay đổi thời gian xét xử theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Bị đơn không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 28, điểm a khoản 1 điều 35, Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí đề nghị xử buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được, hai lần vắng mặt tại phiên tòa và nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hoàng Anh T và anh Nguyễn Long N có tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 08/11/2019 tại Ủy ban nhân dân phường B, quận H, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Ủy ban nhân dân phường C, thành phố Hồ Chí Minh). Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét về quá trình hôn nhân giữa nguyên đơn và anh N, Hội đồng xét xử thấy rằng trong quá trình sống chung, giữa vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên giữa hai người không tôn trọng nhau, tính tình vợ chồng không hợp, vợ chồng thường xuyên cãi vả, có xúc phạm nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không được. Từ tháng 02/2025 nguyên đơn và anh N đã sống ly thân cho đến nay. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của vợ chồng đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Hoàng Anh T.

[2.2] Về việc nuôi con: Quá trình chung sống, chị T và anh N không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, và nghĩa vụ chung về tài sản: Nguyên đơn trình bày không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Hoàng Anh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Hoàng Anh T được ly hôn anh Nguyễn Long N.

2. Về việc nuôi con: Chị Phạm Hoàng Anh T và anh Nguyễn Long N không có con chung.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Hoàng Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000188 ngày 21/01/2026 tại Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3 – Huế;
- THADS thành phố Huế;
- Đương sự;
- UBND phường Chánh Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Sang